

THỜI SỰ TÔN GIÁO

TÌNH HÌNH TÔN GIÁO THẾ GIỚI THẬP NIÊN CUỐI THẾ KỈ XX VÀ THẬP NIÊN ĐẦU THẾ KỈ XXI

NGUYỄN HỒNG DƯƠNG^(*)

1. Những nét chính về tình hình tôn giáo ở một số quốc gia và khu vực

Những năm cuối thế kỉ XX và đầu thế kỉ XXI, thế giới chứng kiến biết bao sự đổi thay, biến động về chính trị, kinh tế, xã hội và tôn giáo.

Đó trước hết là sự sụp đổ của Nhà nước xã hội chủ nghĩa ở Đông Âu và Liên Xô, kéo theo đó là những hệ lụy về chính trị - xã hội trong đó có vấn đề tôn giáo.

Đầu thế kỉ XXI là sự kiện ngày 11/9/2001 với việc Tòa Tháp Đôi ở New York (Hoa Kỳ) bị tấn công và sụp đổ. Sự kiện này khiến một số cường quốc Phương Tây, nhất là nước Mỹ, đột ngột thay đổi cách nhìn cũng như ứng xử với tôn giáo mà trọng tâm là chủ nghĩa Islam giáo cực đoan.

Sự sụp đổ của các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu và Liên Xô kéo theo sự phục hồi tôn giáo ở những nước này. Đây là những nước có một thời kì duy trì chủ nghĩa vô thần cực đoan, nhìn nhận tôn giáo thường nặng về tiêu cực. Không chỉ dừng lại ở sự phục hồi, tôn giáo ở những nước này còn là tác nhân dẫn đến việc li khai, chia cắt lãnh thổ.

Sau khi khối Xã hội chủ nghĩa (XHCN) sụp đổ, người dân Nga đã bộc lộ

mối tương quan văn hóa và dân tộc. Hay nói một cách khác, giới cầm quyền tôn giáo ở Nga đã có những thay đổi cách nhìn về tôn giáo. Năm 2007, nhân được Tạp chí *Time* bầu làm nhân vật của năm, Putin đã trả lời nhiều câu hỏi của phóng viên tạp chí này. Trước câu hỏi niềm tin tôn giáo đóng vai trò nào trong quá trình lãnh đạo, ông trả lời như sau: “Đầu tiên và trên hết, chúng tôi làm việc theo tri thức chung. Nhưng tri thức chung lại dựa vào những quy tắc đạo đức. Ngày nay không thể tách rời đạo đức khỏi những quy tắc tôn giáo”⁽¹⁾.

Sự nhìn nhận, kéo theo đó là chính sách cởi mở của Nhà nước Nga đã làm cho Chính Thống giáo tại Nga, một tôn giáo lớn của nước này phục hồi nhanh chóng. “Theo Thượng phụ Alexi, trước khi xã hội chủ nghĩa sụp đổ, trên toàn lãnh thổ Nga chỉ có 6.800 giáo xứ và 19 tu viện. Năm 2007, nghĩa là gần 20 năm sau, Chính Thống giáo Nga có 27.300 giáo xứ và 716 tu viện. Vào thập niên 60 và 70 của thế kỉ XX, tại các nhà thờ Chính Thống giáo Nga chỉ thấy toàn các

*. PGS. TS., Viện Nghiên cứu Tôn giáo.

1. Trung tâm Nghiên cứu Tôn giáo đương đại, *Văn hóa tôn giáo trong bối cảnh toàn cầu hóa*, Nxb. Tôn giáo, 2009, tr. 236.

bà già, hôm nay sự hiện diện của giới trẻ đã đem lại sinh động mới cho Giáo hội⁽²⁾.

Quá trình toàn cầu hóa diễn ra gay gắt cùng với sự sụp đổ của các nước xã hội chủ nghĩa ở Đông Âu vô tình hay hữu ý làm tăng vai trò tôn giáo ở Trung và Đông Âu trong việc bảo vệ bản sắc văn hóa dân tộc. Sự gia tăng vai trò ấy ở một số cộng đồng dân tộc được đẩy lên quá mức, trở thành tác nhân dẫn đến việc các cộng đồng dân tộc theo các tôn giáo khác nhau cùng chung sống hòa hợp trong một số quốc gia bỗng tuyên bố li khai với những cuộc chiến tranh đôi khi là huynh đệ tương tàn.

Lấy ví dụ từ Nhà nước Nam Tư. Nhà nước được thành lập sau Chiến tranh Thế giới lần thứ II với thể chế liên bang gồm một số nước độc lập kết hợp. Sau sự kiện Bức tường Berlin sụp đổ, khác với một số nước khác do điều kiện văn hóa, xã hội, tôn giáo, tại Liên bang Nam Tư “xảy ra một cuộc chiến bi thảm”: các quốc gia thành viên đấu tranh đòi độc lập và nội chiến bùng nổ, trong đó tôn giáo là một tác nhân quan trọng.

Croatia, một nước toàn tòng Công giáo, quyết định tách khỏi Liên bang để bảo vệ bản sắc văn hóa và dân tộc tính. Công giáo trở thành quốc túy quốc hồn của họ. Trong khí thế giành độc lập đó, người Croatia không ngần ngại chống lại ảnh hưởng của Chính Thống giáo và Islam giáo ở vùng biên giới giáp ranh với Serbia và Bosnia.

Đương nhiên người Serbia, theo Chính Thống giáo và hành diện từng là thành trì trong quá khứ để bảo vệ Kitô giáo Phương Tây chống lại sự tấn công của Islam giáo, phải phản ứng mãnh liệt để

bảo vệ đất nước. Một dàn họ chống lại viễn tượng một mô hình thống nhất mới, trong đó Công giáo sẽ giữ vai trò bá chủ, dàn khác họ tiếp tục chủ trương loại trừ ảnh hưởng của Islam giáo.

Còn Bosnia, một vùng đất theo Islam giáo, bị kẹt giữa hai nước Công giáo và Chính Thống giáo, trở thành nạn nhân. Từ khi vương quốc Ottoman chấm dứt vào năm 1878, Bosnia luôn luôn bị đe dọa bởi các nước láng giềng và phải gồng mình lên để bảo vệ sự độc lập cũng như căn tính của mình.

Cuộc chiến trở nên thê thảm hơn khi những người gốc Albania tại Kosovo, một tỉnh của Serbia, nhưng theo Islam giáo và đứng lên đòi tự trị. Dân Serbia đã phản ứng mãnh liệt vừa để bảo vệ lãnh thổ, vừa để bảo tồn văn hóa và tôn giáo của mình. Tôn giáo đã trở thành bản sắc dân tộc và yếu tố thống nhất quốc gia cho mỗi nhóm (Croatia, Serbia và Bosnia), nhưng lại là nguyên nhân xung đột và đổ kị đối với các nhóm khác⁽³⁾.

Trái ngược với tôn giáo ở Trung, Đông Âu và ở Nga, thế giới lại chứng kiến sự tàn lụi của Kitô giáo ở Tây Âu. Những nước vốn hàng thế kỉ là nước Kitô giáo, thắm đậm văn minh Kitô giáo như nước Pháp, nước Đức... nay số tín đồ tham dự Thánh lễ Chủ nhật ở nhà thờ chỉ còn 10%. Người đi tu đặc biệt là ơn gọi tín đồ làm giáo sĩ, trở nên sa sút trầm

2. Trung tâm Nghiên cứu Tôn giáo đương đại, *Văn hóa tôn giáo trong bối cảnh toàn cầu hóa*, Sđd, tr. 235.

3. Trung tâm Nghiên cứu Tôn giáo đương đại, *Văn hóa tôn giáo trong bối cảnh toàn cầu hóa*, Sđd, tr. 324 - 325.

trọng. Tình hình trên kéo theo nhiều hệ lụy, nhiều nhà thờ và ngay cả cơ sở dòng tu đã bị phát mãi.

Nếu coi tín đồ tham dự Thánh lễ, ơn gọi tu trì là chỉ báo sức sống của một tôn giáo thì Công giáo ở Tây Âu rõ ràng già cỗi và tàn lụi. Điều này khiến vị giáo hoàng đương nhiệm ngai tòa ở Vatican, Giáo hoàng Benedict XVI đã phải thành lập Hội đồng Tòa Thánh về Tái rao giảng Tin Mừng. Hội đồng được thành lập vào tháng 5/2011. Giám mục Rino Fisichella, người Italia làm chủ tịch tiên khởi của Hội đồng.

Đúng như tên gọi của nó, nhiệm vụ của Hội đồng thứ 12 này của Tòa Thánh Vatican có nhiệm vụ lo việc truyền giáo lại ở những vùng đất vốn một thời là những vùng đất sấm uất Công giáo.

Những năm cuối của thập niên đầu Thiên niên kỷ thứ III với Giáo hội Công giáo còn là nạn ấu dâm (một cụm từ chỉ sự xâm phạm tình dục đồng giới trẻ em vị thành niên) của hàng giáo sĩ Công giáo. Giáo nạn ấu dâm đã giáng cho Giáo hội hoàn vũ những đòn đau đớn và nhục nhã ê chề. Vị giáo hoàng đương tại vị tại La Mã - Giáo hoàng Benedict XVI đã phải cay đắng nhận xét rằng, trong lịch sử, Công giáo luôn bị “bách hại” từ bên ngoài, nay thì với giáo nạn ấu dâm, Giáo hội Công giáo hoàn vũ chịu sự bách hại từ bên trong. Sự bách hại ấy lại do hàng ngũ trụ cột của Giáo hội; những người luôn rao giảng về phẩm giá về nhân bản con người gây ra. Bản thân vị Giáo hoàng đương nhiệm cũng bị báo giới Công giáo chỉ trích bởi giáo nạn xảy ra vào thời kỳ mà vị Giáo hoàng thứ 205 của

Giáo hội Công giáo đang giữ chức Bộ trưởng Giáo lý - Đức tin⁽⁴⁾.

Năm 2012, Giáo hội Công giáo thế giới kỷ niệm 50 năm khai mạc Công đồng Vatican II, một Công đồng được ví là Giáo hội mở toang cánh cửa để chiếu rọi vào bên trong và đón những điều tốt lành của thế giới hiện đại. 50 năm đã trôi qua, dù Công đồng đã “thổi vào Giáo hội luồng sinh khí mới” nhưng Giáo hội còn biết bao điều dang dở chưa làm được và khó có thể làm được. Chẳng hạn việc thực hiện Hiến chế phụng vụ Thánh tùy thuộc vào Hội đồng Giám mục từng miền. Tăng quyền hạn cho giáo phận (giáo hội địa phương) cũng như Hội đồng Giám mục, trong việc canh tân, cải tiến phụng vụ Thánh miến sao không sai với bản chất của Hội Thánh và cũng không được để xảy ra lạc giáo. Đây là quyền hạn pháp lý đầu tiên mà Công đồng ủy thác cho Hội đồng Giám mục. Theo đó, Vatican II cho phép hàng giáo phẩm được thực hành Thánh lễ bằng ngôn ngữ địa phương, để gần gũi với tín đồ, tín đồ và linh mục cùng thực hiện nghi lễ phụng vụ chứ không phải đi “xem lễ” như người giáo dân Việt Nam vẫn nói về việc tham dự Thánh lễ của họ trước Công đồng Vatican II.

Nhạc, bài hát trong phụng vụ Thánh được Công đồng cho phép Giáo hội địa phương sử dụng “lễ nhạc dân gian”, trang phục của linh mục, tu sĩ cũng có những thay đổi cho phù hợp với văn hóa cũng như khí hậu địa phương.

4. Nguyễn Văn Dũng. Vấn đề lạm dụng tình dục của các linh mục trong Giáo hội Công giáo, Tạp chí Nghiên cứu Tôn giáo, số 4/2010.

Tuy nhiên, trong quá trình triển khai và thực hiện, Giáo hội Công giáo đã vấp phải những phản ứng trái chiều. Nổi lên là hai khuynh hướng bảo thủ và cấp tiến.

Nếu những người cấp tiến (chiếm số lượng đông đảo) hăng say, hào hứng thay đổi, thì đại bộ phận nhỏ theo khuynh hướng bảo thủ đã không chấp nhận canh tân phụng vụ Thánh. Họ coi là phá đạo đi ngược lại truyền thống Kitô giáo, làm mất đi tính Thánh thiêng, tiêu biểu là Giám mục Macel Lefèbvre (1905-1991). Về sau ông lập nên Huynh đoàn Piô X chống lại việc bãi bỏ nghi lễ phụng vụ Latinh. Lefèbvre cho rằng “đó là thiên hướng của tân Tin Lành và Duy nhất thuyết. Vatican được coi là Công đồng có khuynh hướng li giáo”. Năm 2009, Giáo hoàng đương nhiệm, Benedict XVI, đã bỏ vạ tuyệt thông với Huynh đoàn Piô X. Năm 2011, Giáo hoàng tiếp tục trở lại vấn đề Huynh đoàn Piô X, nhằm đưa họ “trở lại đạo”. Tòa Thánh yêu cầu Huynh đoàn phải chấp nhận “những tiên đề đạo lý” nhằm bảo đảm sự trung thành với Huấn quyền của Hội Thánh và cảm thức cùng Giáo hội (*sentire cum Ecclesia*). Nếu Huynh đoàn chấp nhận tuyên ngôn về đạo lý thì có thể bắt đầu nói về cơ cấu pháp lý để hội nhập Huynh đoàn này vào Giáo hội Công giáo. Giải pháp cho vấn đề cơ cấu pháp lý là thành lập Giám hạt tông nhân và quốc tế, tựa như Giám hạt Opus Dei. Nhưng Huynh đoàn đã tỏ ra lạnh lùng với đề nghị của Tòa Thánh và tiếp tục đưa ra những khiêu khích. Điển hình nhất là các nhà lãnh đạo Huynh đoàn đã kêu gọi tổ chức hàng ngàn Thánh lễ trên thế giới để chống lại buổi cầu nguyện liên tôn giáo tại ASSISI giữa Giáo hoàng Benedict XVI và các nhà

lãnh đạo tôn giáo bạn diễn ra ngày 27 tháng 10 năm 2011. Huynh đoàn hiện có khoảng 551 linh mục, 239 chủng sinh, hàng trăm tu sĩ và khoảng 100.000 tín hữu. Đầu tháng 12 năm 2011, Huynh đoàn đã chính thức bác bỏ đề nghị thiện chí của Tòa Thánh⁽⁵⁾.

Trong lễ nhạc phụng vụ Thánh, bên cạnh ý nghĩa làm cho phù hợp với nền văn hóa địa phương, nhiều ý kiến cho rằng thứ nhạc phụng vụ mới làm mất đi tính thiêng liêng của nghi lễ. “Vô số các bài Thánh ca được nghe trong các Thánh lễ có nhạc dân ca, âm thanh giống như bài hát trẻ thơ hơn là một hình thức cầu nguyện. Nhiều người đánh mất vẻ đẹp âm nhạc trong thời kì trước Vatican II, không tìm thấy được những bài hát Thánh ca dẫn dắt việc cầu nguyện nữa”⁽⁶⁾.

Phụng vụ Thánh chính thức trở thành *vấn đề nóng* dưới triều đại của Giáo hoàng Benedict XVI, thậm chí là trước đó, khi còn là Hồng y, vấn đề Phụng vụ Thánh đã được lật lại, để rồi khi đăng quang bước vào triều đại của mình với chức vụ mới - Giáo hoàng Benedict XVI, việc “canh tân của canh tân” càng có điều kiện. “Ngài cho công bố Tông thư *Summorum Pontificum*, cho phép sử dụng rộng rãi hình thức nền phụng vụ Latinh cổ truyền”⁽⁷⁾.

Một trong những vấn đề còn dang dở của Công đồng Vatican II là vấn đề *Đại kết*. Nghĩa là Công giáo sau Công đồng

5. Nguyệt san *Công giáo và Dân tộc*, số 205, tháng 1/2012, tr. 54.

6. Maureen Sullivan. OP (chuyển ngữ), Linh mục Phêrô Trương Văn Khoa, *101 câu hỏi và trả lời Công đồng Vatican II*, Nxb Tôn giáo, Hà Nội, 2004, tr. 88.

7. Nguyệt san *Công giáo và Dân tộc*, số 181, tháng 1/2010, tr. 70.

Vatican II, nhìn nhận giá trị của các tôn giáo khác ngoài Kitô giáo. Đại kết có hai nội dung. Nội dung thứ nhất, Công giáo kêu gọi hợp nhất các nhánh thuộc Kitô giáo như Chính Thống giáo, Tin Lành giáo, Anh giáo vốn đã tách ra trong thời kì trước đây. Nội dung thứ hai là đối thoại với các tôn giáo ngoài Kitô giáo - Đối thoại liên tôn giáo. “Đối thoại liên tôn giáo là một phần của sứ mạng truyền giáo của Giáo hội. Được hiểu như một phương thế và một phương tiện cho sự hiểu biết lẫn nhau và sự phong phú hóa, đối thoại liên tôn giáo không mâu thuẫn với sứ mạng truyền giáo cho muôn dân, trái lại có những liên kết đặc biệt với sứ mạng này và là một trong những biểu hiện của sứ mạng đó” (Redem Poris Missio 55).

Nhưng đối thoại liên tôn giáo gặp phải một trở ngại rất lớn khi Giáo hội Công giáo vẫn kiên trì quan điểm “Duy nhất tính và phổ quát tính nơi mầu nhiệm cứu độ của Chúa Kitô”. Quan điểm này được nhắc lại qua Tuyên ngôn Dominus Jesus (6/8/2000) công bố vào Năm Thánh 2000, với ấn kí của Hồng y Josep Ratzinger, Tổng Bộ trưởng Giáo lí và Đức tin, người mà năm 2005 trở thành Giáo hoàng Benedict XVI.

Từ Giáo hoàng Phaolô VI, qua Giáo hoàng Gioan Phaolô II đến Giáo hoàng Benedict XVI việc Đại kết vẫn được duy trì. Dưới thời Giáo hoàng Gioan Phaolô II, một sự kiện không thể không kể đến của đối thoại liên tôn giáo, đó là “cuộc gặp gỡ ASSISI của Thánh Phanxicô cùng cầu nguyện và suy ngẫm về trách nhiệm thực thi hòa bình. Việc làm này mở đầu cho những hoạt động cầu nguyện tiếp

theo giữa người đứng đầu Giáo triều Rôma với các lãnh tụ các tôn giáo như Do Thái giáo, Islam giáo. Chẳng hạn, ngày 24/1/2002, có tới đại diện 11 tôn giáo lớn đến ASSISI để sống ngày cầu nguyện cho hòa bình.

Ngày 27/10/2011, Giáo hoàng Benedict XVI đã hành hương về ASSISI. Nhưng công việc đại kết và liên tôn giáo hiện vẫn còn muôn vàn trắc trở. Công việc mà Giáo hội Công giáo đang đeo đuổi hiện vẫn chỉ là “*một dấu chỉ về niềm hi vọng*”.

Sự kiện ngày 11/9/2001 đánh dấu sự bùng phát của phong trào Islam giáo cực đoan với những hoạt động đánh bom khủng bố. Có nhiều nguyên nhân dẫn đến sự ra đời và phát triển của phong trào (hay là chủ nghĩa) Islam giáo cực đoan, trong đó có nguyên nhân nội tại và ngoại tại. Việc văn hóa Âu - Mỹ tràn vào thế giới Islam giáo làm cho những người cấp tiến nhận thấy cần thiết phải bảo vệ tinh thần của văn hóa Islam giáo. Cuộc cách mạng Islam giáo nổ ra ở Iran năm 1979 với sự ra đời của Nhà nước Islam giáo dân chủ tư bản Iran mang trong mình nó nhiều yếu tố tiến bộ như là một sự thúc đẩy các nước Islam giáo theo mô hình này.

Những người Islam giáo cấp tiến để bảo vệ sự tinh thần của văn hóa Islam giáo không chỉ chống lại sự xâm thực của văn hóa Âu - Mỹ mà còn chống lại những người Islam giáo tiếp thu văn hóa Âu - Mỹ, những người được xem là bội giáo.

Cũng cần thiết phải kể đến vai trò của Mỹ trong việc huấn luyện “chiến binh Islam giáo” ở Afghanistan để chống lại quân đội của Liên Xô những năm 80 của thế kỉ XX tiến vào Afghanistan tiêu diệt

lực lượng Taliban. Sau khi Liên Xô rút quân, Taliban giành lại vị thế cai quản đất nước, những chiến binh Islam giáo càng có dịp củng cố lực lượng. Và khi quân Mỹ và đồng minh NATO tiến hành đánh Afghanistan tiêu diệt Taliban là dịp để các chiến binh Islam giáo tiến hành những cuộc đánh bom khủng bố chống lại Mỹ và đồng minh ngày càng quyết liệt và dữ dội. Đây cũng là thời kì tổ chức Al-Qaeda ra đời. Al-Qaeda không chỉ hoạt động ở Afghanistan mà còn lan sang các nước Trung Đông, Bắc Phi rồi Trung Quốc, Thái Lan và cả Indonesia.

Tân Cương là một khu tự trị nằm ở vùng biên giới Tây Bắc Trung Quốc, được thành lập từ thời Nhà Thanh dành riêng cho người Islam giáo Duy Ngô Nhĩ. Islam giáo truyền vào vùng này đầu tiên là vào tộc người Hui (Hồi) một dân tộc thiểu số sinh sống chủ yếu ở khu tự trị Ninh Hạ - trở thành tôn giáo của dân tộc này, được coi là Islam giáo. Cùng thời điểm, Islam giáo cũng được truyền bá vào dân tộc Duy Ngô Nhĩ (Uighur), trải thời gian trở thành tôn giáo chính của dân tộc này. Tuy nhiên thay vì gọi người Islam Duy Ngô Nhĩ, Trung Quốc lại gọi là Islam giáo Duy Ngô Nhĩ. Hai cách gọi khác nhau nhưng về bản chất là một.

Tân Cương thời kì cận đại đã là mảnh đất giao tranh địa - chính trị giữa các cường quốc. Năm 1949 khi Quân giải phóng nhân dân Trung Quốc tiến vào giải phóng Tân Cương, một nhà nước Cộng hòa độc lập *Đông Đột* đã tồn tại một thời gian ngắn trong khu vực này với sự hậu thuẫn của Liên Xô⁽⁸⁾. Nhà nước Đông Đột tồn tại trong một thời gian ngắn nhưng “vấn đề Đông Đột” thì tồn

tại dai dẳng cho đến hiện nay. Tổ chức Đông Đột đã hoàn toàn trở thành một tổ chức vũ trang và ngày càng mang tính chất khủng bố. Mặc dù cường quốc thế giới bên ngoài coi nó như một tổ chức khủng bố, nhưng bên trong lại ngầm ngầm ủng hộ.

Báo cáo của Văn phòng Báo chí Quốc vụ viện Trung Quốc ngày 22/1/2002 cho thấy từ năm 1990 đến năm 2001, ở khu Tự trị Tân Cương, nơi có cộng đồng Duy Ngô Nhĩ sinh sống đã xảy ra 200 vụ gây rối. Cũng với tài liệu trên khẳng định: Nhóm khủng bố Đông Đột (Đông Turkestan) có căn cứ ở Nam Á đã nhận được sự hỗ trợ rất hào phóng của Bin Laden và đóng vai trò quan trọng trong các lực lượng khủng bố của hắn. Bin Laden từng cùng những kẻ đứng đầu các tổ chức khủng bố ở Trung Quốc và Tây á nhiều lần âm mưu giúp lực lượng Đông Đột tiến hành một cuộc thánh chiến ở Tân Cương với mục tiêu thành lập một nhà nước thần quyền Islam giáo ở khu tự trị này.

Ngày 7/5/2009 tại Tân Cương nổ ra cuộc bạo loạn. Cuộc bạo loạn nổ ra đúng lúc Chủ tịch nước CHND Trung Hoa - Hồ Cẩm Đào có mặt tại Italia dự Hội nghị Thượng đỉnh G8+5, khiến Ông Hồ Cẩm Đào phải hủy bỏ kế hoạch, trở về nước kịp thời xử lí tình hình.

Cuộc bạo loạn ở Tân Cương nổ ra có nguyên nhân nội tại và ngoại tại. Nhưng còn bởi một nguyên nhân trực tiếp là sự kích động, châm ngòi nổ của những người Duy Ngô Nhĩ đang sống lưu vong

8. Thông tấn xã Việt Nam, *Tài liệu tham khảo đặc biệt*, ngày 20/8/2008.

ở nước ngoài. Cũng cần phải kể đến nhân vật chính của vụ bạo loạn là bà Rebiya Kadeer, vốn là một nữ doanh nhân người Trung Quốc bị bắt năm 1999 vì tội phá hoại an ninh quốc gia Trung Quốc. Bà Rebiya Kadeer được trả tự do vào tháng 3/2005 và sau đó sang Mỹ để chữa bệnh.

Chủ nghĩa li khai Islam giáo và chủ nghĩa tôn giáo cực đoan ở Tân Cương đang làm cho vấn đề tôn giáo ở đây hết sức phức tạp. Nó càng phức tạp hơn khi có sự hậu thuẫn to lớn của chủ nghĩa Islam giáo và tổ chức khủng bố Al-Qeada và một số tổ chức Islam giáo quá khích khác.

Thái Lan là một quốc gia Phật giáo, nhưng trong lòng nước này còn 4,6% người dân theo Islam giáo mà Islam giáo lại gắn với người Mã Lai. Người Mã Lai Islam giáo ở Thái Lan sống tập trung ở 4 tỉnh: Pattani, Narithivat, Yala và Satun thuộc vào miền Nam Thái Lan.

Tín đồ Islam giáo Thái Lan phần lớn theo phái Sunni. Họ gắn bó và duy trì mối liên hệ thân thiết và chặt chẽ với người Islam Malaysia về văn hóa, ngôn ngữ, tôn giáo và hầu như ít hội nhập với văn hóa của người Thái. Đó chính là mầm mống của phong trào li khai hóa Islam giáo ở các tỉnh miền Nam Thái Lan tồn tại hơn 100 năm nay. Từ những năm 80 của thế kỉ XX đến đầu thế kỉ XXI do Nhà nước Thái Lan có chính sách phù hợp nên phong trào li khai có phần lắng dịu. Từ năm 2004 đến nay phong trào lại bùng phát.

Có nhiều nguyên nhân dẫn đến sự trỗi dậy của chủ nghĩa li khai Mã Lai Islam giáo cực đoan. Từ những năm 50 của thế

kỉ XX, những tín đồ Islam giáo cực đoan ở miền Nam Thái Lan đã tiến hành nhiều cuộc nổi dậy đòi độc lập và thành lập Nhà nước Cộng hòa Islam giáo. Một số tổ chức được thành lập như: *Mặt trận dân tộc giải phóng Pattani* (BNPP) lập năm 1949, *Mặt trận cách mạng dân tộc* (BRN) lập năm 1960, *Tổ chức Giải phóng Thống nhất Pattani* (PULO) lập năm 1968. Những tổ chức này chịu sự tác động từ thế giới Islam giáo, chủ yếu là phong trào Islam giáo cực đoan từ bên ngoài. Ở trong nước, những phần tử cực đoan Mã Lai Islam giáo tìm mọi biện pháp để duy trì cố kết cộng đồng tín đồ Islam giáo, tạo sức mạnh. Mặt khác họ tuyên truyền trong cộng đồng người Mã Lai Islam giáo rằng người Thái theo đạo Phật là những kẻ vô đạo, vô tín ngưỡng. Trong cuộc chiến ở Afghanistan những năm 1980, những chiến binh Mã Lai Islam giáo ở Thái Lan tham gia cuộc chiến, mang về miền Nam nước này không chỉ tư tưởng thánh chiến mà còn góp phần tạo ra một thế hệ chiến binh mới. Phong trào Islam giáo li khai miền Nam Thái Lan còn nhận được sự ủng hộ về tinh thần cũng như về tài chính, vũ khí từ một số nước Islam giáo, nhất là các nước ở Trung Đông.

2. Hiện tượng chính đảng hóa, hợp pháp hóa các tổ chức chính trị tôn giáo⁽⁹⁾

Khoảng 20 - 30 năm trở lại đây, một loạt các thế lực tôn giáo, giáo phái ở Châu Á, Châu Phi, đặc biệt là khu vực Trung Đông liên tiếp xuất hiện trên sân

9. Viết phần này chúng tôi dựa vào “*Tài liệu tham khảo đặc biệt tháng 6-2010*” của Thông tấn xã Việt Nam.

khẩu chính trị các thế lực tôn giáo chính trị. Ở Trung Đông là sự trỗi dậy của các thế lực *Islam giáo chính trị*.

Ở Cộng hòa Islam giáo Iran là Đảng Liên hiệp Islam giáo. Năm 1979, Giáo chủ Khomeini lãnh đạo giáo sĩ cấp tiến làm cuộc Cách mạng Islam giáo, lật đổ vương triều Pahlavi. Nhà nước Cộng hòa Islam giáo Iran ra đời. Đảng Cộng hòa Islam giáo được thành lập. Năm 1987, đảng này bị giải tán để thành lập *Đảng Liên hiệp Islam giáo*. Đây là Đảng lớn nhất đang hoạt động chính sự tại Iran.

Ở Ai Cập là *Tổ chức Anh em Islam giáo Ai Cập*. Mục tiêu của tổ chức là đem đến cho nhân dân những dịch vụ ưu ái. Dưới thời Tổng thống Mubarak tuyên bố từ bỏ chính sách bạo lực theo đuổi chủ trương hòa bình. Năm 2011, Tổng thống Mubarak bị lật đổ, Tổ chức Anh em Islam giáo Ai Cập ngày càng có vị thế trên trường chính trị của nước này. Tổ chức thắng cử lớn trong Quốc hội Ai Cập. Sau khi Ai Cập tiến hành bầu cử đại diện của tổ chức là ông Mohamed Merxi đã thắng cử. Đầu tháng 7/2012, ông này lên làm Tổng thống Ai Cập.

Với Thổ Nhĩ Kỳ là *Đảng Công lí và phát triển AKP*. Năm 2002, Đảng này được phép nắm chính quyền và nhận được sự ủng hộ của quân đội và tòa án. Năm 2007, Đảng này giành thắng lợi quyết định trong bầu cử quốc hội. Đảng Công lí và Phát triển từ bỏ chủ nghĩa thế tục do Kemal áp đặt. AKP bằng việc làm của mình để chứng tỏ rằng các đảng phái tôn giáo không nhất thiết trở nên cuồng tín. Đảng AKP đã thành công với sự quản lí tốt chính quyền, các chính sách

kinh tế đúng đắn và sự phát triển một triết lí quản lí Islam giáo chứa đựng những yếu tố tự do có ý nghĩa. Các thăm dò ý kiến những năm gần đây cho thấy người Thổ Nhĩ Kỳ đang trở nên sùng đạo hơn, đồng thời, phản đối mạnh mẽ hơn các luật Islam giáo cực đoan.

Thổ Nhĩ Kỳ đang được Mỹ quảng bá là mô hình dân chủ cho những nước Ả Rập đang nổi loạn noi theo. Chẳng những thế thực hiện dự án tái định nghĩa Islam giáo, Mỹ lựa chọn Thổ Nhĩ Kỳ là mô hình mới để áp dụng. Mỹ và Phương Tây hiện đang sử dụng Thổ Nhĩ Kỳ vào mục tiêu vẽ lại Tây Nam Á và Bắc Phi. Trước mắt là nhằm vào Iran và Syria.

Indonesia là một quốc gia có đông tín đồ Islam giáo nhất thế giới nằm ở Đông Nam Á. Ở nước này hiện tại đang nổi lên *Hội Liên hiệp Giáo viên Islam giáo*. Ở Indonesia, các cộng đồng Islam giáo đang phản đối chủ nghĩa cực đoan và có những đóng góp đáng kể cho xã hội và việc quản lí chính quyền dân chủ.

Ngoài ra còn phải kể đến: Đảng Islam giáo Malaysia (một nước ở Đông Nam Á, có khoảng 65% cư dân theo Islam giáo); Đảng chính nghĩa và phát triển Maroc. Ở Palestine là tổ chức Hamas. Năm 2006, Hamas giành được chính quyền, tiến hành những hoạt động dân chủ, tạo dựng được một hình ảnh đẹp. Hamas cùng Phata đang có những bước đi tích cực hợp tác quản lí Palestine, đấu tranh đòi Palestine trở thành một nhà nước độc lập và là thành viên của Liên Hiệp Quốc. Ở Li Băng là Hezbollah: chống lại Israel (Nhà nước Do Thái giáo) do Nasrallah thực hiện chủ nghĩa ôn hòa, nhấn mạnh

chung sống hòa bình, mở rộng thế lực. Ở Irắc nổi lên vai trò của Islam giáo phái Shiite.

Trên đây là những tổ chức, đảng phái liên quan đến Islam giáo được gọi là *Islam giáo chính trị*.

3. Tôn giáo trong chính sách ngoại giao của Mỹ

Với nước Mỹ, tôn giáo góp phần quan trọng tạo nên tảng chính trị, bản sắc và văn hóa Mỹ. Người Mỹ luôn cho rằng quốc gia của họ được Chúa chọn. Nước Mỹ là một nước thế tục nhưng tôn giáo có vai trò hết sức quan trọng đối với quốc gia này. Nhiều nhóm phái tôn giáo luôn vận động hành lang nhằm gây ảnh hưởng lên chính sách của nước Mỹ. Những năm gần đây nước Mỹ dùng tôn giáo như một công cụ ngoại giao để áp đặt lên thế giới.

Năm 1998, Quốc hội Mỹ thông qua *Đạo luật Tự do Tôn giáo Quốc tế* (IRFA - International Religious Freedom Act 1998). Có thể khái quát các nội dung cơ bản của IRFA như sau:

- Thành lập Văn phòng Tự do Tôn giáo Quốc tế (Office on International Religious Freedom) trong Bộ Ngoại giao. Đại sứ lưu động về tự do tôn giáo quốc tế là người đứng đầu. “Đại sứ lưu động có trách nhiệm thúc đẩy quyền tự do tôn giáo ở nước ngoài, lên án sự vi phạm quyền này và đề xuất các phản ứng thích hợp bởi Chính phủ Hoa Kỳ khi quyền này bị vi phạm” (Điều 101a).

- Bộ Ngoại giao phối hợp với Đại sứ lưu động đưa ra Báo cáo hằng năm đối với các quốc gia trên thế giới, đưa ra những chứng cứ liên quan đến các vi

phạm tự do tôn giáo, và báo cáo về các hành động Hoa Kỳ thực hiện nhằm thúc đẩy tự do tôn giáo ở những nước này (Điều 102b).

- Theo IRFA, vi phạm tự do tôn giáo có hai cấp độ. Một là: Các vi phạm đặc biệt nghiêm trọng về tự do tôn giáo; Hai là các vi phạm tự do tôn giáo. Những nước bị IRFA liệt vào danh sách “các nước vi phạm đặc biệt nghiêm trọng về tự do tôn giáo” là “các nước cần quan tâm đặc biệt” (Countries of Particular Concern - CPC). Những nước bị coi là CPC trong phạm vi “hành động của Tổng thống” được Đạo luật nêu ra, Tổng thống sẽ sử dụng trong phạm vi 15 biện pháp trừng phạt thích hợp (ví dụ như phản đối ngoại giao (biện pháp BP3); Từ chối tiếp đoàn thăm làm việc chính thức, cao cấp của chính phủ (BP7); Ngừng việc trợ an ninh (BP11); áp dụng cấm vận thương mại một phần hay tất cả đối với một số mặt hàng (BP13)...).

- Thành lập Ủy ban Hoa Kỳ về Tự do Tôn giáo Quốc tế (The United State Commission on International Religious Freedom - USCIRF). Ủy ban bao gồm 9 thành viên do Tổng thống và Ban lãnh đạo Thượng viện, Hạ viện bổ nhiệm. Ủy ban hoạt động độc lập, có nhiệm vụ đưa ra “báo cáo hằng năm về thực trạng các vi phạm tự do tôn giáo” đồng thời đề xuất các chính sách đối với những nước bị xếp vào diện vi phạm. Đồng thời trong Hội đồng An ninh quốc gia còn một cố vấn đặc biệt về tự do tôn giáo. Vị này có trách nhiệm tập hợp các thông tin và phối hợp các hành động trong Nhà Trắng.

- Quy định Chính phủ Hoa Kỳ thúc đẩy tự do tôn giáo; Cung cấp hỗ trợ tài chính cho các nhóm thúc đẩy tự do tôn giáo; Lập các danh sách tù nhân tôn giáo; Thúc đẩy trao đổi quốc tế và khen thưởng công trạng (xem các điều 205, 206, 107, 108, 503 IRFA).

Nhằm thi hành Đạo luật IRFA, Bộ Ngoại giao Hoa Kỳ thành lập Văn phòng Tự do Tôn giáo Quốc tế, đứng đầu là ông Robert A. Seiple. (Ông này được Tổng thống Bill Clinton đề xuất bổ nhiệm và Thượng viện phê chuẩn làm Đại sứ lưu động về tự do tôn giáo quốc tế ngày 27/10/1998).

Nhiệm vụ của Văn phòng là vào tháng 9 hàng năm công bố Báo cáo thường niên về tình hình tự do tôn giáo và đàn áp tôn giáo ở các nước. Bộ Ngoại giao trên cơ sở của Báo cáo xác định những nước cần đặc biệt chú ý về vi phạm tự do tôn giáo “có hệ thống, liên tục và quá đáng” để Mỹ thi hành các biện pháp, kể cả trừng phạt kinh tế.

Đối với Báo cáo Tự do Tôn giáo Quốc tế: Báo cáo được công bố hàng năm. Vì vậy được gọi là: *Báo cáo thường niên về Tự do Tôn giáo Quốc tế.* Báo cáo là một phần trong chính sách tôn giáo của Mỹ. Nội dung Báo cáo cập nhật tình hình mới nhất trong năm (kể từ sau Báo cáo của năm trước) về nhân quyền về các vấn đề liên quan tới tự do tôn giáo quốc tế. Báo cáo đề cập đến tình hình cụ thể tự do tôn giáo ở từng nước trên thế giới xoay quanh các nội dung như: Những xu hướng cải thiện tình hình và những vi phạm trong năm.

Các bước thực hiện: Trước tiên là các sứ quán Mỹ thu thập cứ liệu từ các nguồn

khác nhau ở nước sở tại sau đó viết bản thảo. Bản thảo gửi về Mỹ (Bộ Ngoại giao) để xem xét, bổ sung theo nguồn thông tin riêng mà các cơ quan phụ trách vấn đề tôn giáo của Bộ Ngoại giao thu thập theo “kênh” riêng.

Trong quá trình soạn thảo ở Bộ Ngoại giao còn có ý kiến của Văn phòng Tự do Tôn giáo Quốc tế.

Một tổ chức cũng cần thiết phải được nhắc đến, đó là: Ủy ban Tự do Tôn giáo Quốc tế Hoa Kỳ. Ủy ban là cơ quan biệt lập với Văn phòng Tự do Tôn giáo Quốc tế và Bộ Ngoại giao. Ủy ban gồm ba ủy viên do Tổng thống đề bạt, bốn ủy viên thuộc đảng nắm quyền trong Quốc hội lựa chọn và hai ủy viên do Đảng của Tổng thống trong Quốc hội đề bạt. Bao gồm các giám mục Công giáo, một số giáo sĩ Islam giáo, một giáo sĩ Do Thái giáo, một mục sư Tin Lành, một nhà hoạt động nhân quyền Do Thái...

Ủy ban thực hiện quyền cố vấn, theo dõi và quyền tổ chức các buổi điều trần về vấn đề tôn giáo, đưa ra các thông cáo báo chí, gửi thư kêu gọi đến Tổng thống về các hành động nhất định cần thực hiện.

Hàng năm vào ngày 1 tháng 5, Ủy ban phải đưa ra các báo cáo về các vụ vi phạm về tự do tôn giáo và các đề xuất chính sách.

Như vậy, Hoa Kỳ đã sử dụng chính sách tự do tôn giáo như một vũ khí lợi hại trong chính sách đối ngoại. Nếu căn cứ vào Đạo luật IRFA, căn cứ vào hệ thống các tổ chức thực hiện “Báo cáo thường niên về Tự do Tôn giáo Quốc tế” thì thấy cách làm việc có vẻ như chặt chẽ

và mang tính khách quan. Nhưng trên thực tế không phải lúc nào cũng như vậy. Một trong những điều đáng bàn nhất là Mỹ đã áp đặt tư tưởng tự do tôn giáo của họ lên các nước trên thế giới mà không tính đến đặc thù văn hóa, xã hội, đặc biệt là quan điểm về tự do tôn giáo của mỗi quốc gia. Mặt khác, việc thu thập, phân tích thông tin nhiều khi đã không được các cơ quan đặt trong những điều kiện lịch sử cụ thể, hoàn cảnh cụ thể. Đây là chưa kể không ít nguồn thông tin đã bị hiểu sai lệch hoặc bóp méo sự thật để phục vụ cho ý đồ chính trị mà Mỹ đang theo đuổi. Vì vậy mà hàng năm khi Mỹ công bố *Báo cáo thường niên về Tự do Tôn giáo Quốc tế*, nhiều nước đã lên tiếng phản bác. Quốc gia lên tiếng nhiều nhất, mạnh mẽ nhất là Trung Quốc. Chẳng những thế, Trung Quốc những năm gần đây còn công bố những vi phạm quyền tự do tôn giáo ngay tại nước Mỹ, nước tự cho mình quyền tự do can thiệp vào tự do tôn giáo trên thế giới.

Đối với Việt Nam, trước một sự thật hiển nhiên về sự đổi mới quan điểm, chính sách tự do tôn giáo của Đảng và Nhà nước Việt Nam, năm 2006, nước Mỹ đã đưa Việt Nam ra khỏi danh sách "*Các nước cần đặc biệt quan tâm*" về tôn giáo. Nhưng từ đó đến nay trong Báo cáo thường niên về Tự do Tôn giáo Quốc tế, năm nào cũng có những nhận định sai về tình hình Tự do Tôn giáo ở Việt Nam. Điều này đã khiến Bộ Ngoại giao của Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam phải lên tiếng bác bỏ.

Chính sách ngoại giao tôn giáo của Mỹ được các học giả của Mỹ cho rằng bắt đầu từ thời Tổng thống Jimmy Carter.

Năm 1977, Jimmy Carter được bầu làm Tổng thống, Hạ viện Mỹ ban hành đạo luật yêu cầu Bộ Ngoại giao hằng năm Báo cáo thực trạng nhân quyền tại các quốc gia trên thế giới. Ngày 8/2/1979, Báo cáo đầu tiên được Bộ Ngoại giao công bố. Đó là một báo cáo được nhận xét là "ngắn gọn và sơ sài, dù có xem xét đến vấn đề tôn giáo". Và như trên đã trình bày, dưới thời Tổng thống Bill Clinton, ngày 27/10/1998, vị Tổng thống này ban hành Đạo luật Tự do Tôn giáo Quốc tế - IRFA. Vấn đề tôn giáo, dân chủ, nhân quyền được thúc đẩy mạnh mẽ vào thời Tổng thống G. W. Bush. Một nguyên nhân trực tiếp dẫn đến vị Tổng thống này có chính sách cứng rắn với chủ nghĩa Islam giáo cực đoan đó là việc Tòa Tháp Đôi của Mỹ tại New York bị tấn công và sụp đổ ngày 11/9/2001. Từ thời điểm này Mỹ tiến hành mạnh mẽ chính sách đối với chủ nghĩa Islam giáo cực đoan. Nhưng với chủ nghĩa Islam giáo cực đoan, Mỹ thi hành chính sách hai mặt, một mặt Mỹ dùng sức mạnh quân sự để trấn áp, tiêu diệt (Tổng thống Mỹ Barack Obama tiêu diệt trùm khủng bố Bin Laden ngày 1/5/2011), mặt khác Mỹ lại dung túng, thậm chí sử dụng con bài Islam giáo cực đoan để phục vụ cho lợi ích nước Mỹ. Còn nhớ những tù binh Mỹ bắt được đưa về giam giữ ở Oatanamô. Ở đây, Mỹ đã phân loại rồi sử dụng một số chiến binh Islam giáo phục vụ cho ý đồ tình báo và quân sự. Chính sách hai mặt của Mỹ rõ ràng kích thích các hoạt động li khai, khủng bố của tôn giáo. Mỹ nuôi dưỡng, dung túng những lãnh tụ tôn giáo hoặc những nhân vật cực đoan rồi sử dụng những nhân vật này vào chính sách tôn giáo.

Chẳng hạn như dung dưỡng Đạt Lai Lạt Ma, vị Đạt Lai của Phật giáo Tạng truyền và cũng là lãnh tụ tinh thần của Tây Tạng (Trung Quốc). Trung Quốc nhiều lần khẳng định chính Đạt Lai Lạt Ma đứng sau các vụ bạo loạn ở Tây Tạng.

Vụ bạo loạn ngày 7/5/2009 nổ ra tại Tân Cương có vai trò quan trọng của bà Rebiya Kadeer, một nữ doanh nhân Trung Quốc bị bắt năm 1999 vì tội phá hoại an ninh quốc gia, sau đó chạy sang Mỹ (tháng 3/2005) với lí do chữa bệnh. Thời điểm nổ ra vụ bạo loạn cũng được tính toán rất kĩ, trước khi diễn ra Hội nghị thượng đỉnh G8+5 một ngày tại Italia. Sự việc diễn ra khiến Chủ tịch nước CHND Trung Hoa Hồ Cẩm Đào vừa đến Italia đã phải quay về nước để giải quyết tình hình trong nước.

Trung Đông, một vùng đất có vị trí chiến lược về quân sự, kinh tế nhưng lại là nơi tập trung của các nhà nước Islam giáo. Nhằm kiềm chế các nước Islam giáo, Mỹ nuôi dưỡng Nhà nước Do Thái Israel. Sử dụng Nhà nước này để ngăn chặn sự phát triển của Iran, cũng như sự trỗi dậy của các thế lực Islam giáo chính trị. Đồng thời Mỹ còn sử dụng nhà nước Islam giáo này để làm suy yếu nhà nước Islam giáo kia theo kiểu “tọa san quan hổ đầu”. Ví dụ: đứng về phía Irắc cung cấp vũ khí hiện đại cho Irắc chống lại

Iran trong cuộc chiến giữa hai nước này (1980 - 1988). Sở dĩ như vậy vì cuộc Cách mạng năm 1979 với việc thành lập Nhà nước Cộng hòa Islam giáo Iran, nước này trở nên hùng mạnh và chi phối một số nước Islam giáo liên bang và đó là điều nước Mỹ không mong muốn. Nhưng rồi sau đó ít lâu, Irắc lại là mục tiêu tiến công của Mỹ.

Khi cuộc nội chiến và li khai xảy ra ở Nam Tư, Mỹ ủng hộ Bosnia, Kosovo, chống lại người Serbia theo Chính Thống giáo làm cho tình hình ở Trung Âu trở nên cực kì phức tạp.

Từ sau sự kiện “Mùa Xuân Ả Rập”, các nước ở Trung Đông ngày càng trở nên náo loạn và hiện đang ở trong tình trạng “Mùa Đông Ả Rập”. Những cuộc nội chiến xảy ra ở nước này người ta đều thấy có vai trò của Mỹ trong việc đứng đằng sau các tổ chức đối lập. Sự việc diễn ra nóng bỏng ở Syria, nguy cơ nội chiến xảy ra ở các nước này khó tránh khỏi, người ta cũng thấy Mỹ đứng đằng sau lực lượng đối lập.

Vậy là một mặt Mỹ đưa ra Đạo luật nhằm “bảo vệ Tự do Tôn giáo”, nhưng mặt khác Mỹ là một quốc gia sử dụng có hiệu quả tôn giáo không chỉ vào mục đích ngoại giao mà còn vào các mục đích chính trị, quân sự và cả kinh tế./.